CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	43,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.4%	**4.8%**	**2.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	28,069 - 44,419
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,762
Số lượng CPLH (CP)	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	426,800
Sở hữu nước ngoài	5.5%
Beta	1.56
EPS	2,931
P/E	14.8

Tỷ suất lợi nhuận

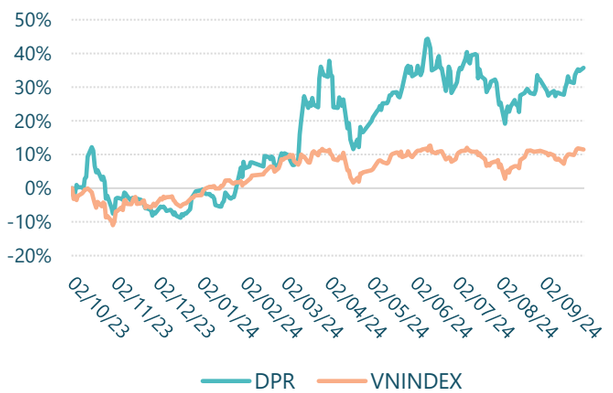

Doanh thu thuần

Q3/24

348

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 115 | 49.5%

YoY: ▲ 62.0 | 21.8%

Nợ/VCSH

Q3/24

36.8%

YoY: +/-▲ 0.6%

LN gộp

Q3/24

82.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.8 | 73.5%

YoY: ▲ 18.3 | 28.6%

ROE (TTM)

Q3/24

8.0%

YoY: +/-▲ 0.1%

LN trước thuế

Q3/24

69.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.4 | -23.5%

YoY: ▲ 2.10 | 3.1%

ROA (TTM)

Q3/24

5.8%

YoY: +/-▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q3/24

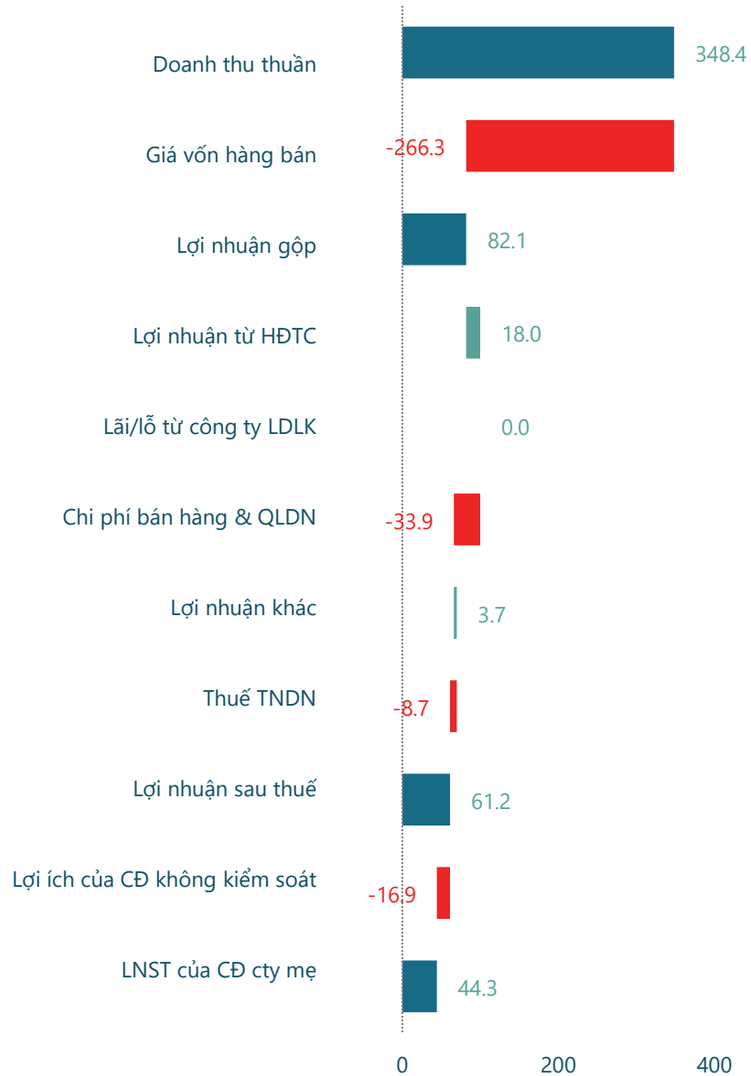

Kết quả kinh doanh

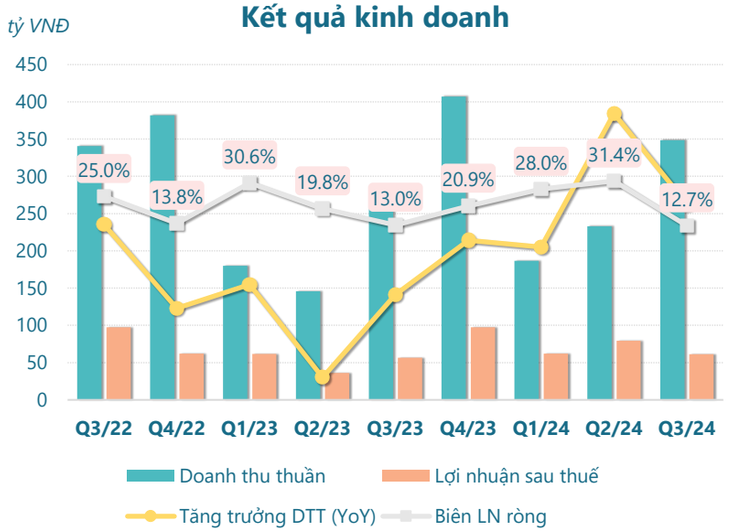

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 66.13 tỷ đồng**, tăng thêm 41.0% so với kỳ trước và cao hơn 5.34% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 17.98 tỷ đồng**, giảm đi 25.6% so với kỳ trước và thấp hơn 29.4% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 3.74 tỷ đồng**, giảm đi 91.6% so với kỳ trước và thấp hơn 26.2% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

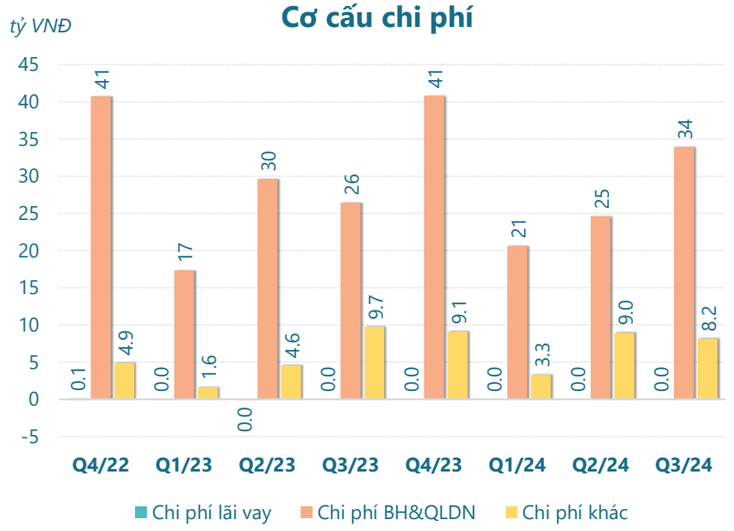

Kết quả kinh doanh của **DPR** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **348.4 tỷ đồng** tăng thêm **21.8%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 61.17 tỷ đồng**, **tăng trưởng 7.83%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **768.0 tỷ đồng** cao hơn 25.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 203.0 tỷ đồng** cao hơn 31.0% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

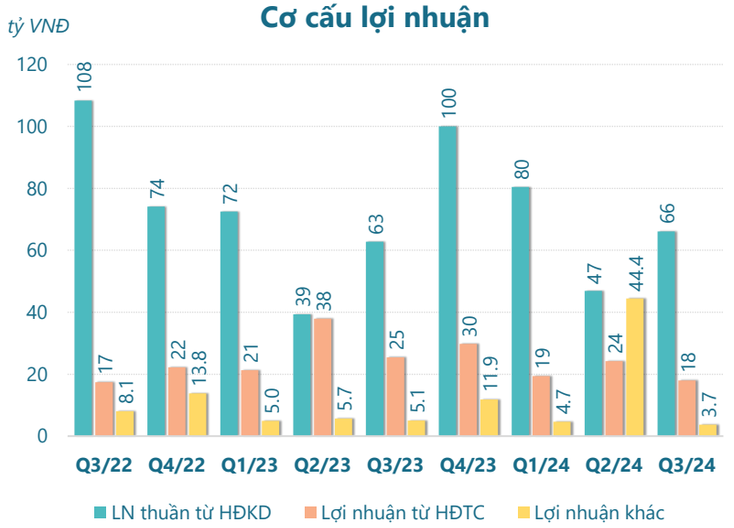

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **33.91 tỷ đồng** tăng thêm 37.9% so với kỳ trước và cao hơn 28.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **8.17 tỷ đồng** giảm đi 8.72% so với kỳ trước và thấp hơn 15.9% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)
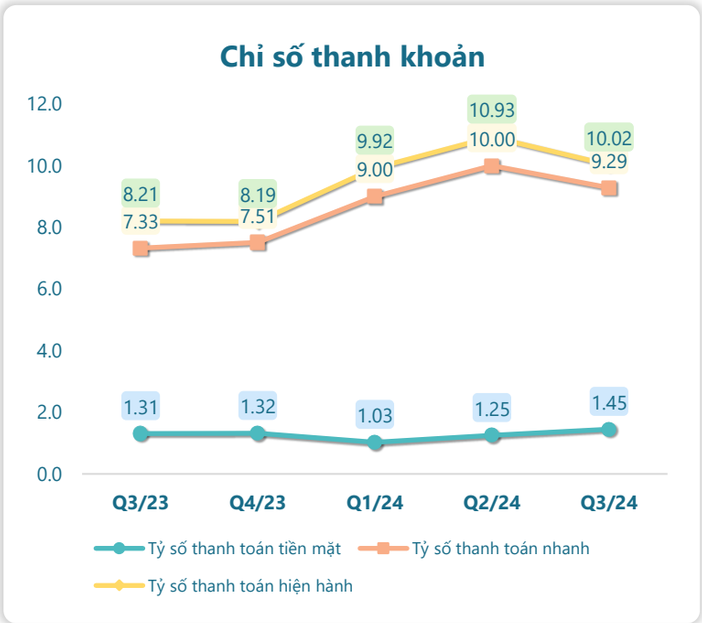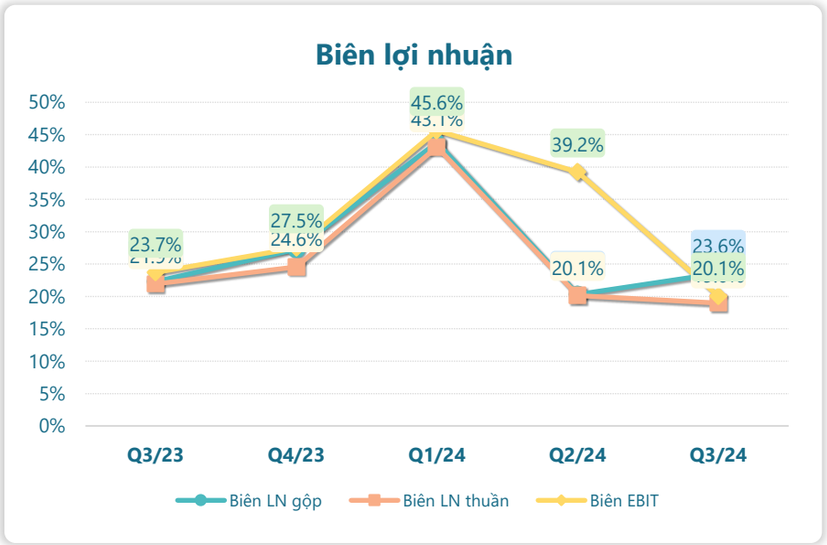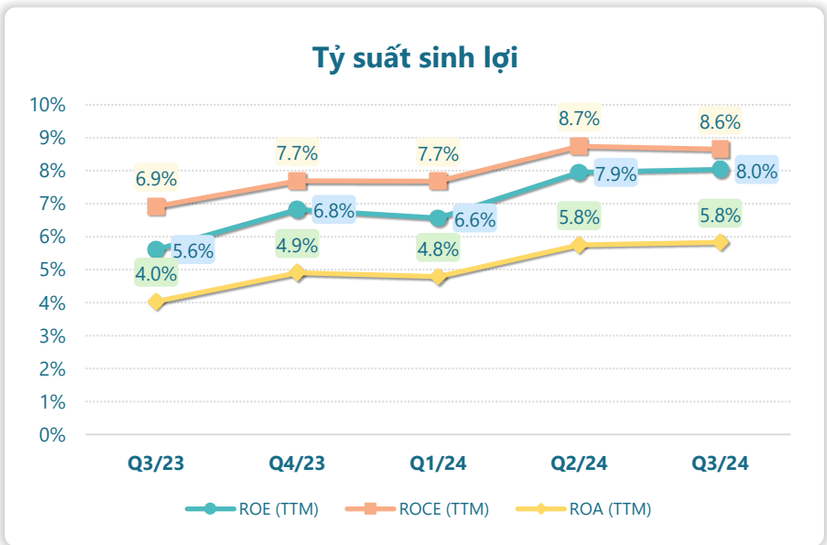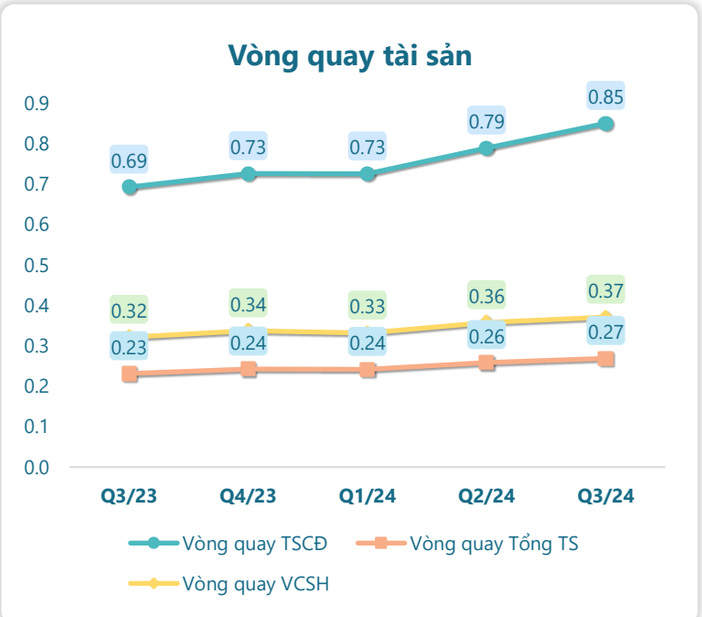
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**348**	**233**	**49.5%**	**286**	**21.8%**	**768**	**612**	**25.5%**
Giá vốn hàng bán	266	186	43.2%	222	20.0%	557	448	24.1%
Lợi nhuận gộp	82.1	47.3	73.5%	63.8	28.6%	211	163	29.2%
Doanh thu HĐTC	21.4	24.4	-12.5%	26.3	-18.8%	67.3	87.7	-23.2%
Chi phí TC	3.37	0.25	1247%	0.83	306%	5.81	3.05	90.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.92	4.76	3.3%	6.44	-23.7%	13.6	14.1	-3.4%
Chi phí QLDN	**29.0**	**19.8**	**46.4%**	**20.0**	**45.0%**	**65.5**	**59.3**	**10.5%**
LN thuần từ HĐKD	66.1	46.9	41.0%	62.8	5.3%	193	175	10.8%
Lợi nhuận khác	**3.74**	**44.4**	**-91.6%**	**5.07**	**-26.1%**	**52.8**	**15.8**	**235%**
LN trước thuế	69.9	91.3	-23.5%	67.8	3.1%	246	190	29.4%
Lợi nhuận sau thuế	**61.2**	**79.5**	**-23.1%**	**56.7**	**7.9%**	**203**	**155**	**31.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**44.3**	**73.1**	**-39.4%**	**37.1**	**19.4%**	**170**	**121**	**40.1%**